

Số: 3.1./NQ/HĐQT-NSBN

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 11 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh ngày 20/04/2021;

Căn cứ vào phiếu lấy ý kiến của các thành viên HĐQT;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề như sau:

Sửa đổi Tờ trình ĐHCĐ bất thường năm 2021: Thông qua hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh với Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương để thực hiện dự án “ĐT XD nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh công suất 45.000 m³/ngày đêm và tuyến ống truyền tải”

(Có Tờ trình và Hợp đồng dự thảo kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc liên quan theo nhiệm vụ và quyền hạn thi hành quyết nghị này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01. /TTr.ĐHCĐBT 2021

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh và Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 29/06/2021; QĐ số 300/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Quyết định chủ trương đầu tư và Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án “ Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngày) và tuyển ống truyền tải.

Căn cứ vào Văn bản số 706/UBND-XDCB ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v nội dung ủy quyền cho người đại diện phần vốn nhà nước tham gia ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Ninh trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua “Mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh” đầu tư xây dựng giai đoạn 3 nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh.

2. Thông qua Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh và Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương để đầu tư, quản lý vận hành và kinh doanh dự án Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000m³/ngày đêm) và tuyển ống truyền tải”.

(Đính kèm: Dự thảo Hợp đồng chỉnh sửa theo ý kiến của UBND tỉnh tại Văn bản số 706/UBND-XDCB ngày 26/10/2021 và kiến nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư tại mục II văn bản số 2014/KH-ĐKKD ngày 22/10/2021)

Tờ trình này thay thế Tờ trình thông qua Hợp đồng liên doanh theo Thông báo mời họp số 30/TB-BNW ngày 13/10/2021.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----&-----

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH

Số:...../HĐLD/LP-BANIWACO

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương số 197/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngày, đêm) và tuyến ống truyền tải” của UBND tỉnh Bắc Ninh;

- Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngày) và tuyến ống truyền tải;

- Căn cứ Nghị quyết số.....của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP nước sạch Bắc Ninh về việc thông qua Hợp đồng liên doanh giữa Công ty CP nước sạch Bắc Ninh và Công ty CP tập đoàn Long Phương;

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP tập đoàn Long Phương về việc thông qua Hợp đồng liên doanh giữa Công ty CP nước sạch Bắc Ninh và Công ty CP tập đoàn Long Phương;

- Căn cứ vào thỏa thuận, nhu cầu, chức năng nhiệm vụ của Các Bên.

- Căn cứ Thỏa thuận liên danh số 01/2021/TTLĐ ngày 30/07/2021 giữa Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh và Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương.

HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH này được lập ngày ... tháng ... năm 2021 tại trụ sở Công ty CP nước sạch Bắc Ninh.

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên thứ nhất:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2300108311

- Địa chỉ: Số 57, đường Ngô Gia Tự, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: 0222.3824369

- Fax: 0222.3822708

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Xuân Tâm - Chức vụ: Tổng giám đốc

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

2. Bên thứ hai:

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN LONG PHƯƠNG

Địa chỉ trụ sở : Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2300224741.

Đại diện là bà: Ngô Thị Kim Chung - Chức vụ: Giám đốc.

(Theo Giấy ủy quyền số: /UQ-LPG ngày...../...../2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP tập đoàn Long Phương).

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là Bên và gọi chung là Các Bên.

TRÊN TINH THẦN HỢP TÁC CÙNG CÓ LỢI HAI BÊN CÙNG NHAU THỎA THUẬN, THÔNG NHẤT KÝ HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU:

Điều 1: Định nghĩa

Khi được sử dụng trong Hợp Đồng này các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1.1 “Công ty” Nghĩa là Công ty TNHH Cấp nước Bắc Ninh là Công ty đồng kiểm soát với tỷ lệ biểu quyết bằng nhau do Các Bên thông nhất thành lập theo quy định của Hợp Đồng này và Điều Lệ với mục đích để đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và kinh doanh Dự án “**Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000m³/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải**” theo quy định.

1.2 “Cơ quan cấp phép” Nghĩa là UBND tỉnh Bắc Ninh và Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc các cơ quan nhà nước khác vào thời điểm liên quan, có trách nhiệm và thẩm quyền;

1.3 “Chủ tịch hội đồng thành viên” Là một thành viên của Hội đồng thành viên như được định nghĩa tại Điều 4.3 của hợp đồng này;

1.4 “Đại diện theo ủy quyền” Là một người, theo từng thời điểm, được một Bên bổ nhiệm đại diện cho Bên đó trong Hội đồng thành viên theo hợp đồng này và điều lệ;

1.5 “Điều lệ” Có nghĩa là điều lệ Công ty, bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung và thay thế của nó tại từng thời điểm;

1.6 “Đồng” hoặc “VND” Nghĩa là đồng tiền hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.7 “Giám Đốc” Là người, tùy từng thời điểm, được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành của Công ty theo quy định của Hợp đồng này và điều lệ;

1.8 “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” Có nghĩa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Cơ quan cấp phép cấp để thành lập Công ty và có thể được gia hạn, sửa đổi, thay đổi, bổ sung hoặc thay thế theo từng thời điểm và theo quy định của pháp luật;

1.9 “Hợp đồng” Nghĩa là hợp đồng liên doanh này và các Phụ lục hợp đồng (nếu có);

1.10 “Hội đồng thành viên” Là Hội đồng thành viên của Công ty như được định nghĩa tại Điều 4.2 của Hợp đồng này;

1.11 “Luật pháp Việt Nam” Nghĩa là tất cả các luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy tắc, lệnh hoặc các văn bản pháp lý khác của các cơ quan nhà nước Việt Nam đã được ban hành, phổ biến công khai và có hiệu lực pháp lý cũng như các sửa đổi hoặc thay thế chúng vào từng thời điểm;

1.12 “Phân vốn góp” Là phân vốn góp của một Bên trong Công ty theo từng thời điểm thể hiện bằng số phần trăm trong vốn điều lệ và căn cứ trên vốn được góp và/hoặc cam kết đóng góp của một Bên vào vốn điều lệ theo Hợp đồng này và điều lệ tùy theo thời điểm;

1.13 “Thời hạn LD” Nghĩa là thời hạn được qui định cụ thể tại Điều 11.2 dưới đây;

1.14 “Vốn điều lệ” Nghĩa là số vốn do Các Bên góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ theo quy định tại Điều 3.4 dưới đây; và

1.15 “Vốn đầu tư” Là tổng số tiền vốn được đầu tư vào Công ty như được qui định tại Điều 3.4 dưới đây.

Điều 2: Quyết định đầu tư dự án với các nội dung sau:

1. Bên A và Bên B cùng nhau Quyết định đầu tư Dự án: “Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000m³/ngày đêm) và tuyến ống truyền tải”, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

2. Mục tiêu dự án:

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ng-đ) và tuyến ống truyền tải nhằm cung cấp, bổ sung nguồn nước sạch sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân và khách hàng trong khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, huyện Quế Võ, một phần huyện Tiên Du và vùng lân cận; đảm bảo an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn, liên tục cho nhân dân; đảm bảo đời sống an sinh xã hội; là nguồn dự phòng công suất cấp nước trong trường hợp có nhu cầu phát sinh tăng đột biến trong vùng.

3. Quy mô dự án:

Đầu tư nhà máy nước sạch công suất thiết kế 45.000 m³/ng-đ bao gồm:

3.1. Khu xử lý sản xuất nước sạch Nhà máy nước mặt Bắc Ninh (công suất 45.000 m³/ngđ)

- Dây truyền công nghệ nhà máy sử dụng như sau: Nước thô từ sông Đuống được dẫn vào công trình thu, hồ sơ lắng sau đó được bơm về trạm xử lý; tại hồ sơ lắng, dưới tác dụng của trọng lực, cặn lắng trong nước thô được lắng đọng, giảm hàm lượng cặn rồi được bơm chuyển tiếp đưa tới công trình lắng tấm nghiêng (bể lắng Lamenlla). Trước khi đưa vào bể lắng Lamenlla nước đi qua thiết bị trộn tĩnh, và được điều chỉnh pH tối ưu, châm phèn PAC. Bể lắng được thiết kế các tấm nghiêng Lamen nhằm tăng diện tích lắng - tăng hiệu quả lắng, giảm diện tích sử dụng. Nước sau lắng được thu bằng máng thu phía trên và tự chảy sang bể lọc nhanh trọng lực để tiếp tục làm trong nước. Nước qua bể lọc được khử trùng Clo trước khi dẫn đến bể

chứa nước sạch, sau cùng được bơm cấp vào mạng lưới cấp nước. Xử lý bùn rửa lọc bằng máy ép bùn.

Nước sau xử lý đáp ứng chất lượng nước cấp cho ăn uống theo QCVN 01-1:2018/BYT (do Cục Y tế dự phòng và Môi trường biên soạn và được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt).

3.2. Hồ sơ lắng và tuyến ống nước thô

Đầu tư xây dựng hồ sơ lắng trên khu đất cạnh hồ sơ lắng hiện trạng của NMN mặt Bắc Ninh có diện tích khoảng 5,5 ha để xây dựng hồ sơ lắng có dung tích trữ nước 100.000 m³ (tối thiểu 2 ngày theo TCVN 33-2006), đồng thời kết nối với hồ sơ lắng hiện có.

Xây dựng mới tuyến ống truyền tải nước thô D630 có chiều dài khoảng 1,1 km đáp ứng công suất 45.000 m³/ngđ.

3.3. Hệ thống bơm và thiết bị phụ trợ

- Lắp đặt thêm máy bơm nước thô tại trạm bơm nước thô hiện có tại khu vực hồ sơ lắng đảm bảo đáp ứng công suất của khu xử lý (sử dụng nhà trạm bơm hiện có, chỉ lắp đặt thêm máy bơm và hệ thống đường ống công nghệ, cấp điện cho máy bơm).

- Lắp đặt thêm máy bơm nước sạch và các hạng mục phụ trợ đáp ứng công suất 45.000 m³/ng-đ tại nhà trạm bơm nước sạch hiện có.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc, kiểm soát chất lượng nước tại vị trí trạm bơm nước thô và trong nhà máy để nhanh chóng phát hiện sự cố khi nguồn nước bị ô nhiễm làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành của nhà máy. Bổ sung thêm hệ thống hàng rào, camera an ninh xung quanh trạm bơm nước thô để đảm bảo cấp nước an toàn và an ninh nguồn nước căn cứ theo Quyết định số 1566/QĐ-TTg, ngày 09/8/2016 của Thủ tướng chính phủ V/v phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2026.

3.4. Tuyến ống truyền tải nước sạch

- Các tuyến ống truyền tải nước sạch để cấp nước cho các khu dân cư đô thị và nông thôn, các khu, cụm công nghiệp tập trung trong vùng cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE loại PE100, chịu áp lực tối thiểu PN10, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ nước của nhà máy công suất 45.000 m³/ng-đ. (Chiều dài tuyến ống DN630 dài khoảng 13,0km, DN400 dài khoảng 10,5km).

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu xử lý sản xuất tại xã Bồng Lai, huyện Quế Võ; Khu đất xây dựng hồ sơ lắng tại xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ; tuyến ống truyền tải thuộc địa bàn huyện Quế Võ, huyện Tiên Du và thành phố Bắc Ninh.

5. Loại công trình: công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp I.

6. Diện tích sử dụng đất:

6.1. *Khu đất xây dựng Khu xử lý sản xuất nước sạch*: Có diện tích khoảng **1ha**, nằm trong khu đất Nhà máy nước mặt hiện có (thuộc xã Bồng Lai, huyện Quế Võ), đã giải phóng mặt bằng, có công trình hạ tầng và tường rào bao quanh.

6.2. *Khu đất xây dựng Hồ sơ lắng*: Tại xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có diện tích dự kiến khoảng **5,5ha**, dung tích trữ nước tối thiểu 100.000 m³, hiện trạng là đất nông nghiệp (cạnh hồ sơ lắng hiện có).

7. Vốn đầu tư của dự án 541.802.000.000 (Năm trăm bốn mươi một tỷ, tám trăm lẻ hai) đồng. (Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh 60%; Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương 40%).

Trong đó:

- Vốn góp (vốn chủ sở hữu) của nhà đầu tư: 128.698.000.000 đồng.
- Vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức tín dụng: 413.104.000.000 đồng.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp (vốn chủ sở hữu) để thực hiện dự án:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn chủ sở hữu góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
1	Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh	77.218.800.000	60%	Tiền mặt	2021 – 2023
2	Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương	51.479.200.000	40%	Tiền mặt	2021 - 2023
	Cộng	128.698.000.000	100%		

- Vốn huy động và tiến độ dự kiến:

+ Vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức tín dụng: 413.104.000.000 đồng.

+ Tiến độ dự kiến vay: Từ năm 2022 đến năm 2023.

+ Thời gian vay dự kiến: 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

+ Thời gian ân hạn nợ gốc dự kiến: 2 năm, trả nợ gốc vay trong vòng 18 năm.

+ Lãi vay trả hàng tháng hoặc quý.

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có): Không.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình khai thác vận hành:

- Tiến độ GPMB và đầu tư xây dựng nhà máy: Từ năm 2021 đến năm 2023;

- Dự án hoàn thành và đi vào hoạt động: năm 2023.

9. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất).

10. Hình thức thực hiện: Thành lập Doanh nghiệp để thực hiện dự án theo quy định.

Điều 3: Thành lập công ty (Doanh nghiệp dự án).

3.1 Các Bên thỏa thuận thành lập Công ty đồng kiểm soát với quyền biểu quyết bằng nhau theo các điều khoản và điều kiện như được quy định tại Hợp đồng này và Điều Lệ của Công ty.

3.2 Ngay khi ký Hợp đồng này và điều lệ, Các Bên sẽ cùng nhau chuẩn bị và hoàn tất nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan cấp phép cùng với tất cả những chứng từ và thông tin khác mà Cơ quan cấp phép theo luật yêu cầu đối với hoặc liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4: Nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty

4.1. Tên Công ty

Tên Công ty dự kiến như sau:

Tên Tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC BẮC NINH**

Tên Tiếng Anh: **BAC NINH WATER SUPPLY COMPANY LIMITED**

Tên viết tắt: **BANIWASU.**

4.2. Trụ sở chính của Công ty:

Trụ sở chính của Công ty dự kiến đặt tại: Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

4.3 Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty dự kiến bao gồm:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành nghề
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
3	Xây dựng nhà để ở	4101
4	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị ngành cấp, thoát nước</i>	4663
7	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
8	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

4.4. Vốn điều lệ của Công ty

a) Vốn điều lệ của Công ty dự kiến sau khi góp đủ sẽ là: 128.698.000.000. VNĐ (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm chín tám triệu đồng chẵn). Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Các Bên như sau:

+ Bên A dự kiến góp: 77.218.800.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy mươi bảy tỷ, hai trăm mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn.) tương đương 60 % Vốn Điều Lệ, bằng tiền mặt;

+ Bên B dự kiến góp: 51.479.200.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn.) tương đương 40 % Vốn Điều Lệ, bằng tiền mặt

b) Vốn điều lệ của Công ty sẽ được góp theo tiến độ thực hiện dự án và tiến độ góp vốn thực của các Thành viên liên doanh, mỗi khi góp vốn xong, Công ty sẽ thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Vốn điều lệ của Công ty thời điểm đăng ký thành lập sẽ là: 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng chẵn), theo đó:

+ Công ty CP tập đoàn Long Phương góp 40%;

+ Công ty CP nước sạch Bắc Ninh góp 60%.

4.5. Đại diện theo pháp luật của Công ty

Đại diện theo pháp luật của Công ty là:

Ông Trần Khánh Tịnh Giới tính: Nam.

Ngày sinh: 28/05/1982 Quốc tịch: Việt Nam.

CMND/CCCD số: 125084431 do CA Bắc Ninh cấp ngày 08/05/2017.

Nơi đăng ký HKTT: xã Minh Tân, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở hiện tại: khu Công Binh, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty.

Điều 5: Cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- + Hội đồng thành viên;
- + Chủ tịch hội đồng thành viên;
- + Giám đốc;
- + Kế toán trưởng;
- + và các nhân sự phòng ban chuyên môn.

2. Hội đồng thành viên của Công ty

a) Các Bên sẽ bổ nhiệm đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp trong Công ty và tham gia Hội đồng thành viên. Việc bổ nhiệm đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo các quy định của luật pháp Việt Nam.

b) Hội đồng thành viên của Công ty dự kiến bao gồm 2 người, trong đó:

- (i) Bên A sẽ cử 1 đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp trong Công ty;
- (ii) Bên B sẽ cử 1 đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp trong Công ty.
- c) Hội đồng thành viên sẽ biểu quyết trên cơ sở đồng thuận, không phân biệt số vốn góp nắm giữ.

3. Giám Đốc

Giám Đốc sẽ do Chủ tịch hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký/chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định các vấn đề thù lao, lương thưởng sau khi có chấp thuận của Hội đồng thành viên. Giám Đốc sẽ là người điều hành công việc hàng ngày của Công ty và sẽ chịu trách nhiệm về việc thực thi các quyền và nghĩa vụ của mình trước Chủ tịch hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên và người đại diện theo pháp luật của Công ty theo điều lệ của Công ty, các Quy chế quản trị và theo các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các chức vụ quản lý khác

Chức vụ quản lý khác của Công ty như Kế toán trưởng, Trưởng các phòng/ban/bộ phận sẽ do Chủ tịch hội đồng thành viên bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức và quyết định các vấn đề thù lao, lương thưởng sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng thành viên.

Điều 6: Phân chia lợi nhuận và lỗ

1. Các Bên được chia lợi nhuận hoặc các khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp vào Công ty sau khi trừ đi các khoản chi phí, nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của luật pháp Việt Nam, theo điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị của Công ty được ban hành và áp dụng tại từng thời điểm.

2. Tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, việc phân chia lợi nhuận được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Trừ đi các khoản chi phí, thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

b) Bù đắp các khoản lỗ từ các năm trước theo quy định của pháp luật về thuế

c) Trích lập các quỹ của công ty

d) Chia lợi nhuận cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.

3. Việc lập quỹ theo quy định của Pháp luật do hội đồng thành viên Công ty quyết định sau khi được Liên danh nhà đầu tư chấp thuận.

4. Các Bên được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp khi Công ty giải thể hoặc phá sản.

5. Các bên cam kết thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước khi có yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo khoản 2 điều 2 Quyết định 197/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Quyền của các bên.

1. Quyền của Liên danh nhà đầu tư:

a) Xem xét, thông qua các nội dung dưới đây khi nhận được đề nghị của Doanh nghiệp dự án:

+ Thiết kế, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình; tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh (nếu có); tổng tiến độ thực hiện dự án và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sau khi đã được thẩm định qua các cơ quan chuyên môn có đủ năng lực và hợp pháp.

+ Các thông số kỹ thuật, các tiêu chí đối với vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng vào công trình;

+ Các tiêu chí lựa chọn Nhà thầu, giá gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, tiến độ thực hiện hợp đồng;

+ Hợp đồng giữa doanh nghiệp dự án với các nhà thầu tham gia dự án (Bao gồm cả hợp đồng vay vốn).

+ Kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu;

b) Tham dự họp các cuộc họp của Hội đồng thành viên, tham gia thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

c) Được quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp; được ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng Vốn điều lệ; được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật.

d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ (thông qua Đại diện quản lý phần vốn góp) và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền của Doanh nghiệp dự án:

a) Quản lý, thực hiện và kinh doanh dự án theo quy định của pháp luật;

b) Đàm phán, ký kết các hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án, quản lý và kinh doanh Dự án sau khi được Liên danh nhà đầu tư chấp thuận.

c) Thực hiện hoạt động theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Nghĩa vụ của các bên

1. Nghĩa vụ của Liên danh nhà đầu tư

a) Góp đủ, đúng hạn phần vốn góp đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ vật chất khác của Công ty trong phạm vi phần vốn góp đã cam kết góp vào Công ty theo quy định của pháp luật.

b) Tích cực hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập Công ty cũng như tích cực phối hợp trong việc kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Nghĩa vụ của Công ty (Doanh nghiệp dự án)

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng và quản lý dự án theo quy định, bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí.

b) Tổ chức quản lý, khai thác và kinh doanh Dự án sau khi Dự án hoàn thành, đi vào hoạt động theo quy định.

c) Trình Liên danh xem xét, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Liên danh trước khi thực hiện.

d) Chịu sự quản lý, điều hành của Liên danh theo quy định và báo cáo công việc với Liên danh nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án theo định kỳ và/hoặc khi có yêu cầu.

e) Chịu trách nhiệm trước Liên danh và trước pháp luật về các công việc mình thực hiện theo quy định có liên quan.

f) Thực hiện các thủ tục vay vốn để đầu tư theo quy định.

g) Nộp khoản tiền 66,776 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước đối với các hạng mục công trình được sử dụng chung cho toàn bộ khu vực nhà máy đã được xây dựng làm 3 lần với các mốc thời gian như sau:

Lần thứ nhất: Ngay sau khi được lựa chọn, nộp 20% giá trị

Lần thứ hai: Sau khi dự án hoàn thành toàn bộ và được nghiệm thu đưa vào sử dụng, nộp 30% giá trị.

Lần cuối: Trong thời hạn 5 năm từ khi dự án hoàn thành toàn bộ và được nghiệm thu đưa vào sử dụng, nộp hết phần còn lại.

Thời gian nộp chính thức theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Công tác tài chính và kế toán của Công ty (Doanh nghiệp dự án)

1. Năm tài chính:

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

2. Chế độ kế toán

a) Công ty sử dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

b) Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

c) Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

d) Công ty thực hiện kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Bảo mật thông tin

1. Một Bên phải giữ bí mật toàn bộ các thông tin, tài liệu, thỏa thuận có được, trực tiếp hoặc gián tiếp, do Bên kia cung cấp (gọi chung là “Thông Tin Bảo Mật”), ngoại trừ:

a) Các thông tin đó là hoặc sẽ trở thành thông tin công khai, mà không do lỗi của bất kỳ Bên nào;

b) Các thông tin do một Bên nhận được từ bên thứ ba độc lập mà bên thứ ba này không chịu trách nhiệm đối với bên nào khác;

2. Một Bên không được, khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia, sử dụng Thông Tin Bảo Mật mà Bên kia yêu cầu giữ bí mật cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc thực hiện theo.

Điều 11: Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

1. Luật điều chỉnh. Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi và giải thích theo Luật Pháp Việt Nam về mọi vấn đề.

2. Giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp Đồng này, Các Bên sẽ nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải trên tinh thần hợp tác.

Điều 12: Ngày hiệu lực và thời hạn của công ty

1. Ngày Hiệu Lực: Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký (“Ngày Hiệu Lực”).

2. Thời Hạn liên doanh:

Trừ khi chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn theo qui định tại Hợp Đồng này và Luật Pháp Việt Nam, Thời Hạn liên doanh sẽ là năm mươi (50) năm kể từ Ngày Hiệu Lực hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Cơ Quan Cấp Phép được thể hiện trên Quyết định chấp thuận Nhà đầu tư đối với Dự án hoặc một quyết định khác của Hội đồng thành viên Công ty.

Điều 13: Điều khoản chung

1. Thỏa thuận liên danh số 01/2021/TTLD ký ngày 30/07/2021 là một phần không thể tách rời với Hợp đồng này.

2. Hợp Đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung với điều kiện các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản và được ký bởi Các Bên.

3. Hợp Đồng này được lập bằng tiếng Việt, thành mười (10) bản gốc. Mỗi Bên sẽ giữ năm (05) bản gốc.

4. Mỗi Bên thừa nhận đã xem xét nội dung Hợp Đồng này.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, Các Bên ký kết Hợp Đồng này vào ngày được đề cập ở phần đầu của Hợp đồng.

**CÔNG TY CP
NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

**CÔNG TY CP
TẬP ĐOÀN LONG PHƯƠNG**

1/CC HĐQT, Ban GĐ, Tài V, FBK soát, TCHC. (gửi báo mìn)
+ KH LƯU

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 706 /UBND-XDCB

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2021

V/v nội dung ủy quyền cho người đại diện phần vốn nhà nước tham gia ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh.

26/10.

TCHC soạn vđ HĐQT; Đại hội Cổ
Đy bất thường Xg đm 29/10. theo ý
trên của chủ tịch!

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH

Số: 706. Ngày 26/10/2021

Đến 26/10/2021

Đã vào sổ: 28

Kính gửi: - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2014/KH-ĐKKD ngày 22/10/2021, về nội dung ủy quyền cho người đại diện phần vốn nhà nước tham gia ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh;

UBND tỉnh giao người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh; với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về đề nghị tại mục 1 và mục 2, Văn bản số 434/CV-NSBN ngày 15/10/2021: Đồng ý về "Mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh" đầu tư xây dựng giai đoạn 3 nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh.

2. Về đề nghị tại mục 3 Văn bản số 434/CV-NSBN ngày 15/10/2021: Đồng ý bổ sung ngành, nghề kinh doanh, sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại mục II Văn bản số 2014/KH-ĐKKD ngày 22/10/2021./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Cục thuế Bắc Ninh;
- Lưu: HCTC, KTTH, CN.XDCB, CVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Quang Khải